

NGHỊ QUYẾT

Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 69/TTr-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-HĐND-KTNS ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 với các nội dung như sau:

I. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ

1. Bố trí đủ vốn cho các dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021; các công trình chuyển tiếp (dự án nhóm C vốn bố trí không quá 3 năm; nhóm B vốn bố trí không quá 4 năm).

2. Các dự án khởi công mới phải đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ.

3. Ưu tiên bố trí vốn cho hạ tầng giao thông kết nối liên vùng, các dự án trọng điểm có ý kiến của lãnh đạo Đảng, nhà nước.

4. Các chủ đầu tư phải thực hiện 100% đấu thầu qua mạng (trừ các gói thầu có giá trị nhỏ trong hạn mức chỉ định thầu) nhằm đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch và hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và thanh tra trong hoạt động xây dựng góp phần đảm bảo nâng cao chất lượng công trình xây dựng, hiệu quả của các dự án đầu tư.

II. Nguồn vốn được phân bổ: 2.818 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương: 2.798 tỷ đồng

a) Nguồn thu sử dụng đất khối tỉnh: 2.000 tỷ đồng (trong đó: để lại chi sự nghiệp mang tính chất đầu tư cho dự án đường ĐT.751 đoạn từ Minh Long đi cầu Bà Và là 50 tỷ đồng).

b) Nguồn thu xổ số kiến thiết: 798 tỷ đồng.

2. Vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 20 tỷ đồng.

III. Phương án phân bổ: 2.768 tỷ đồng

1. Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 380 tỷ đồng.

Trong đó:

+ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 300 tỷ đồng.

+ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 80 tỷ đồng.

2. Dự án chuyển tiếp: 1.436 tỷ đồng.

3. Dự án khởi công mới: 952 tỷ đồng.

Trong đó vốn hỗ trợ của thành phố Hồ Chí Minh: 20 tỷ đồng bố trí cho dự án giao thông huyện Bù Gia Mập.

(Kèm theo biểu tổng hợp, biểu số 1)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ mười hai thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Ủy ban nhân dân tỉnh giao chi tiết kế hoạch vốn cho các dự án khi đã đảm bảo thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ TC, Bộ KH và ĐT;
- TTTU, TT.HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, Phòng TH;
- Lưu: VT.



Huyền Thị Hằng



TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

Nguồn ngân sách địa phương

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.768.000	
1	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.950.000	
2	Xổ số kiến thiết	798.000	
3	Vốn hỗ trợ của TP. HCM	20.000	



KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Nguồn vốn ngân sách địa phương)

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 3 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Tiền sử dụng đất	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP. Hồ Chí Minh	
	Tổng số		6.468.309	5.825.800	2.768.000	1.950.000	798.000	20.000	
A	Dự án chuyển tiếp		3.571.309	2.168.500	1.436.000	1.176.000	260.000		
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		2.360.664	1.599.800	975.100	765.100	210.000	-	
	Công nghiệp		168.947	37.500	37.500	37.500	-	-	
1	Đường trục chính từ QL13 vào khu công nghiệp Tân khai II, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước	2779/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	40.000	15.000	15.000	15.000			
2	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào Becamex Bình Phước	1944/QĐ-UBND ngày 08/8/2017	48.974	11.700	11.700	11.700			
3	Các tuyến đường số 2, 3, 4, 5 và 7 KCN Đồng Xoài I	980/QĐ-UBND ngày 9/5/2018	79.973	10.800	10.800	10.800			
	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		1.901.717	1.352.300	727.600	727.600	-	-	
1	Xây dựng đường giao thông phía Tây QL 13 kết nối Chơn Thành - Hoa Lư	2992/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	964.953	844.900	259.000	259.000			
2	Đường Đồng Tiến - Tân Phú, huyện Đồng Phú	2293/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	110.000	110.000	110.000			
3	Nâng cấp mở rộng ĐT 753B kết nối đường Đồng Phú - Bình Dương	2294/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	180.000	85.000	85.000	85.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	
4	Đường giao thông kết hợp du lịch hồ thủy lợi Phước Hòa	2818/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	123.800	68.800	30.000	30.000			
5	Nâng cấp ĐT 741 đoạn từ cầu Thác Mệ đến QL14C	1659/QĐ-UBND ngày 17/7/2018	89.834	27.800	27.800	27.800			
6	Hai tuyến đường phục vụ Công viên văn hóa tinh (đường Nguyễn Chánh và đường QH số 30)	2333/QĐ-UBND ngày 1/11/2019	58.130	17.000	17.000	17.000			
7	Nâng cấp, thảm nhựa các tuyến đường còn lại khu dân cư phía Bắc Tỉnh lỵ	119/HĐND ngày 18/5/2020	200.000	160.000	160.000	160.000			
8	Dự án xây dựng kè và nạo vét hồ Suối Cam	2054/QĐ-UBND ngày 21/8/2017	105.000	38.800	38.800	38.800			
	Y tế		68.500	48.500	48.500	-	48.500	-	
1	Xây dựng và mua sắm trang thiết bị bệnh viện y học cổ truyền tỉnh (giai đoạn II)	2785/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68.500	48.500	48.500		48.500		
	Giáo dục - Đào tạo		221.500	161.500	161.500	-	161.500	-	
1	Xây dựng trường nghề tại khu công nghiệp Becamex Bình Phước	2319/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	150.000	110.000	110.000		110.000		
2	Xây dựng khối phòng học, thư viện-trung tâm nghiên cứu khoa học trường THPT Đồng Xoài	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	71.500	51.500	51.500		51.500		
II	Thành phố Đồng Xoài		280.000	125.000	125.000	125.000	-	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		280.000	125.000	125.000	125.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	
1	Kè và hệ thống đường giao thông dọc hai bên suối Đồng Tiền - suối Tầm Vông TX Đồng Xoài	2137/QĐ-UBND ngày 10/9/2018	150.000	25.000	25.000	25.000			
2	Hỗ trợ thành phố Đồng Xoài GPMB dự án xây dựng kè và nạp vét hồ Suối Cam		130.000	100.000	100.000	100.000			
III	Thị xã Bình Long		91.000	18.100	18.100	18.100	-	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		91.000	18.100	18.100	18.100	-	-	
1	Dự án nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 (đoạn thị xã Bình Long đi trường chuyên Bình Long	2784/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	91.000	18.100	18.100	18.100			
IV	Huyện Chơn Thành		139.545	37.700	37.700	27.700	10.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		139.545	37.700	37.700	27.700	10.000	-	
1	Các tuyến đường trục xuyên tâm để hình thành các phường huyện Chơn Thành	2270/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	139.545	37.700	37.700	27.700	10.000		
V	Huyện Lộc Ninh		245.000	80.000	80.000	80.000	-	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		245.000	80.000	80.000	80.000	-	-	
1	Đường tránh QL 13 đoạn qua thị trấn Lộc Ninh huyện Lộc Ninh	2484/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	245.000	80.000	80.000	80.000			
VI	Huyện Bù Đốp		140.000	40.000	40.000	40.000	-	-	
	Giao thông - Hạ tầng đô thị		140.000	40.000	40.000	40.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xử số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 759B đoạn từ xã Phước Thiện đi cửa khẩu Hoàng Diệu	1647/QĐ-UBND ngày 08/8/2019	140.000	40.000	40.000	40.000			
VII	Huyện Phú Riềng		220.000	110.000	110.000	110.000	-	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		220.000	110.000	110.000	110.000	-	-	
1	Xây dựng cầu Long Tân-Tân Hưng kết nối 2 huyện Phú Riềng và Hớn Quản	2316/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	100.000	70.000	70.000	70.000			
2	Dự án xây dựng đường vòng quanh và cải tạo lòng hồ Bàu Lách gắn với phát triển du lịch huyện Phú Riềng	2317/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	120.000	40.000	40.000	40.000			
VIII	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh		35.100	20.100	20.100	10.100	10.000	-	
	Quốc phòng - An ninh		35.100	20.100	20.100	10.100	10.000	-	
1	Xây dựng, nâng cấp doanh trại Bệnh xá K23 BCH Quân sự tỉnh	2462a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	20.100	10.100	10.100	10.100			
2	Xây dựng, nâng cấp Trường Quân sự Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	2467a/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	15.000	10.000	10.000		10.000		
IX	Vốn lập quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch		60.000	58.800	10.000		10.000		Sở KHĐT
X	Vốn tất toán các công trình đã quyết toán			79.000	20.000		20.000		
B	Dự án/khoi công mới		2.897.000	2.607.300	952.000	474.000	158.000	20.000	
I	Ban QLDA ĐTXD tỉnh		465.000	418.500	367.000	315.000	52.000	-	
	Công nghiệp		200.000	180.000	128.500	90.000	38.500	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh
1	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Việt Kiều	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000	45.000			
2	Xây dựng mương cống thoát nước ngoài khu công nghiệp Tân Khai II (nối tiếp)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	45.000	45.000			
3	Xây dựng mương thoát nước và đường giao thông ngoài Khu công nghiệp và khu dân cư Becamex Bình Phước (giai đoạn II)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	38.500		38.500		
	Giao thông - vận tải & Hạ tầng đô thị		250.000	225.000	225.000	225.000	-	-	
1	Xây dựng tuyến kết nối ĐT753B với đường ĐP-BD (Lam Sơn - Tân Phước)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	180.000	162.000	162.000	162.000			
2	Xây dựng đường Đồng Hưu - Bầu Nàm, huyện Chơn Thành (Kết nối các tuyến đường Minh Thành-Bầu Nàm)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	63.000	63.000			
	Giáo dục - Đào tạo		15.000	13.500	13.500	-	13.500	-	
1	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu khoa học Trường THPT chuyên Quang Trung	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	15.000	13.500	13.500		13.500		
II	Thành phố Đồng Xoài		360.000	324.000	67.000	40.000	27.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		360.000	324.000	67.000	40.000	27.000	-	
1	Xây dựng đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Nguyễn Bình đến QL14 và đoạn từ đường Lê Duẩn đến đường Trần Phú)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	250.000	225.000	20.000	20.000			
2	Xây dựng đường Trường Chinh kết nối QL14 với đường vành đai phía Nam	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	20.000	20.000			

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xỏ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	
3	Xây dựng đường Lý Thường Kiệt nối dài (đoạn từ đường Phú Riêng Đò đến đường Nguyễn Huệ - phường Tân Đồng)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000		27.000		
III	Thị xã Phước Long		135.000	121.500	49.000	10.000	39.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		135.000	121.500	49.000	10.000	39.000	-	
1	Nâng cấp, mở rộng Đường kết nối từ trung tâm Long Giang đến Long Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	55.000	49.500	24.000		24.000		
2	Xây dựng đường và cải tạo lòng hồ Long Thủy, thị xã Phước Long	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	25.000	10.000	15.000		
IV	Thị xã Bình Long		220.000	198.000	56.000	-	56.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		70.000	63.000	16.000	-	16.000	-	
1	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	70.000	63.000	16.000		16.000		
	Giáo dục và Đào tạo		150.000	135.000	40.000	-	40.000	-	
1	Xây dựng trường THPT Bình Long	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	150.000	135.000	40.000		40.000		
V	Huyện Chơn Thành		210.000	189.000	56.000	30.000	26.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		210.000	189.000	56.000	30.000	26.000	-	
1	Xây dựng tuyến đường kết nối khu dân cư Đại Nam ra xã Minh Lập huyện Chơn Thành	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	130.000	117.000	30.000	30.000			



STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết	
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào cụm công nghiệp và khu công nghiệp công nghệ cao Nha Bích	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	26.000		26.000	
VI	Huyện Đồng Phú		372.000	334.800	50.000	30.000	20.000	-
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		372.000	334.800	50.000	30.000	20.000	-
1	Xây dựng đường từ TTHC huyện Đồng Phú đến khu quy hoạch công nghiệp - thương mại - dịch vụ Becamex Bình Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	372.000	334.800	50.000	30.000	20.000	
VII	Huyện Hớn Quản		300.000	270.000	52.000	9.000	43.000	-
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		270.000	243.000	25.000		25.000	-
1	Nâng cấp đường từ Ngã 3 Xa Cát vào Khu công nghiệp Việt Kiều, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	270.000	243.000	25.000		25.000	
	Thủy lợi		30.000	27.000	27.000	9.000	18.000	-
1	Xây dựng hệ thống kênh thủy lợi nội đồng xã An Khương, huyện Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	27.000	9.000	18.000	
VIII	Huyện Bù Đăng		130.000	117.000	50.000	-	50.000	-
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		80.000	72.000	30.000	-	30.000	-
1	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL14 đi xã Đăk Nhau	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	80.000	72.000	30.000		30.000	
	Giáo dục và Đào tạo		50.000	45.000	20.000	-	20.000	-

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021				Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xỏ số kiến thiết	Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh	
1	Xây dựng Trường Tiểu học Võ Thị Sáu, xã Đường 10, huyện Bù Đăng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	20.000		20.000		
IX	Huyện Lộc Ninh		140.000	126.000	55.000	-	55.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		90.000	81.000	30.000	-	30.000	-	
1	Nâng cấp đường 13B từ ngã ba Chiu Riu đến các dự án điện năng lượng mặt trời và nhánh rẽ X16	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000	30.000		30.000		
	Giáo dục và Đào tạo		50.000	45.000	25.000	-	25.000	-	
1	Xây dựng Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	50.000	45.000	25.000		25.000		
X	Huyện Bù Gia Mập		280.000	252.000	50.000	-	30.000	20.000	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		240.000	216.000	34.000	-	14.000	20.000	
1	Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 760 từ ngã tư ĐT 741 đến cầu Đăk Ô xã Phú Văn (Tuyến 1) và đường liên xã Đức Hạnh - Phú Văn từ ĐT 741 đến ngã tư Quốc Tế, xã Phú Văn (Tuyến 2)	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	150.000	135.000	20.000			20.000	
2	Xây dựng các tuyến đường khu trung tâm hành chính huyện	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	90.000	81.000	14.000		14.000		
	Văn hóa xã hội		40.000	36.000	16.000	-	16.000	-	
1	Xây dựng trung tâm văn hóa thể dục thể thao huyện Bù Gia Mập	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	16.000		16.000		
XI	Huyện Bù Đốp		100.000	90.000	50.000	15.000	35.000	-	
	Giao thông - Hạ tầng đô thị		40.000	36.000	15.000	15.000	-	-	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xổ số kiến thiết		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh
1	Nâng cấp đường ĐT759B đoạn từ Chợ Tân Thành đi Cửa khẩu Cầu Trảng	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	40.000	36.000	15.000	15.000			
	Thủy lợi		30.000	27.000	20.000	-	20.000	-	
1	Xây dựng hệ thống kênh dẫn 6 km sử dụng nước sau thủy điện cần đơn tưới cho cánh đồng Sóc Nê xã Tân Tiến huyện Bù Đốp	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	20.000		20.000		
	Giáo dục và Đào tạo		30.000	27.000	15.000	-	15.000	-	
1	Xây dựng trường mầm non Hưng Phước	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	30.000	27.000	15.000		15.000		
XII	Huyện Phú Riềng		185.000	166.500	50.000	25.000	25.000	-	
	Giao thông và Hạ tầng đô thị		185.000	166.500	50.000	25.000	25.000	-	
1	Xây dựng đường vào Khu công nghiệp Long Tân	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	85.000	76.500	25.000	25.000			
2	Xây dựng đường kết nối từ Bù Nho đi Phước Tân qua TTHC huyện Phú Riềng hướng về cầu Long Tân - Tân Hưng Hớn Quản	11/NQ-HĐND ngày 13/7/2020	100.000	90.000	25.000		25.000		
C	Chương trình MTQG nông thôn mới			800.000	300.000	220.000	80.000	Giao Văn phòng điều phối NTM tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết	

STT	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án		Kế hoạch vốn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn năm 2021			Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Tiền sử dụng đất	Xô số kiến thiết		Hỗ trợ của TP.Hồ Chí Minh
D	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững			250.000	80.000	80.000		Giao Sở LĐT&XH chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT tham mưu UBND tỉnh giao chi tiết	